

Số: 27/2022/QĐCNHGT-DS

H, ngày 05 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của các bên tham gia hòa giải.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Chị Lê Thị Kim T.
- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:
 - Người khởi kiện: Chị Lê Thị Kim T, sinh năm 1991.
Địa chỉ thường trú: phố C, xã H, thành phố C, tỉnh C.
Địa chỉ tạm trú: Tổ X, thị trấn X, huyện H, tỉnh C.
Địa chỉ nơi làm việc: Trung tâm Văn Hóa và Truyền thông huyện H, tỉnh C.
 - Người bị kiện: Chị Nông Thị Ngọc T, sinh năm 1992.
Địa chỉ: xóm Đ, thị trấn X, huyện H, tỉnh C.
 - Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Thế C, sinh năm 1991.
Địa chỉ thường trú: xóm B, thị trấn X, huyện H, tỉnh C.
Địa chỉ tạm trú: Số 130 D4 khu đô thị B, phường B, quận H, thành phố H.
- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 20 tháng 7 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 20 tháng 7 năm 2022, cụ thể như sau:

Người khởi kiện Chị Lê Thị Kim T và người bị kiện Chị Nông Thị Ngọc T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Anh Trần Thế C cùng thỏa thuận, thống nhất về thanh toán số tiền nợ gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi cụ thể:

- Đợt 1: Anh Trần Thế C có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) cho chị Lê Thị Kim T; thời gian thanh toán vào ngày 16 tháng 01 năm 2023; hình thức: chuyển tiền qua tài khoản hoặc trả tiền mặt.

- Đợt 2: Anh Trần Thế C có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc còn lại là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) cho chị Lê Thị Kim T; thời gian thanh toán vào ngày 16 tháng 7 năm 2023; hình thức: chuyển tiền qua tài khoản hoặc trả tiền mặt.

- Đợt 3: Anh Trần Thế C có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ lãi là 40.375.000đ (Bốn mươi triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) cho chị Lê Thị Kim T; thời gian thanh toán vào ngày 04 tháng 02 năm 2024; hình thức: chuyển tiền qua tài khoản hoặc trả tiền mặt. Trong đó:

+ Lãi trong hạn tính đến ngày 31-12-2020 là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng);

+ Lãi chậm trả (các bên thỏa thuận tính lãi chậm trả là 15%/năm):

Tính từ ngày 01-01-2021 đến ngày 16-01-2023 là 30.625.000đ (Ba mươi triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng)

Tính từ ngày 16-01-2023 đến ngày 16-7-2023 là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền lãi trong hạn và chậm trả là: 40.375.000đ (Bốn mươi triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Nông Thanh Lịch

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-QĐHG:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN THÀNH PHỐ HÀ NỘI). Tòa án cấp tỉnh để riêng một dòng (trong ví dụ trên thì THÀNH PHỐ HÀ NỘI để riêng một dòng); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định, ô thứ ba ghi lĩnh vực tranh chấp (ví dụ: Số: 02/2021/QĐCNHGT-KDTM).

(3) Ghi họ và tên của người yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện yêu cầu giải quyết.

(5) Ghi tên của người khởi kiện. Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên của người đó và tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức đó.

(6) Ghi tên, địa chỉ của các bên tham gia hòa giải, người đại diện, người phiên dịch (nếu có); Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó. Đối với người đại diện thì ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người được đại diện; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A; cư trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B; cư trú tại... là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).

(7) Ghi đầy đủ, lần lượt các thoả thuận của các bên tham gia hòa giải về từng vấn đề đã được thể hiện trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải.